

Gợi ý danh mục sách Phật giáo để đọc

ISSN: 2734-9195 18:04 30/09/2026

Người mới tìm hiểu Phật giáo thường sớm gặp phải một vấn đề giống nhau: quá nhiều sách Phật giáo, trong khi các truyền thống mà những cuốn sách ấy đề cập lại hết sức đa dạng.

Kho sách Phật giáo trải rộng qua nhiều thế kỷ, ngôn ngữ, truyền thống và vùng văn hóa, từ Kinh tạng Pāli đến các trước tác Đại thừa, Kim cương thừa, Thiền học và những nghiên cứu về Phật giáo trong thế giới đương đại.

Với người mới tìm hiểu, sự phong phú ấy đôi khi cũng trở thành một thách thức, bắt đầu từ đâu và nên đọc gì? Danh mục dưới đây được xây dựng như một bản đồ đọc, giới thiệu các công trình nhập môn, kinh điển, nghiên cứu học thuật và hồi ký, tự thuật của hành giả thuộc nhiều truyền thống Phật giáo.

Các đầu sách được phân theo chủ đề, từ khảo cứu tổng quan về Phật giáo, cuộc đời Đức Phật đến Theravāda, Đại thừa, Kim cương thừa, Thiền, Phật giáo và phụ nữ, triết học Phật giáo, Phật giáo tại phương Tây, cùng các nguồn tư liệu và công cụ tra cứu trực tuyến. Đây không phải là một danh sách khép kín, mà là một điểm khởi đầu để người đọc có thể lần theo những hướng nghiên cứu phù hợp với mối quan tâm của mình.

Người mới tìm hiểu Phật giáo thường sớm gặp phải một vấn đề giống nhau: **quá nhiều sách Phật giáo, trong khi các truyền thống mà những cuốn sách ấy đề cập lại hết sức đa dạng**. Những công trình lịch sử mang tính học thuật nằm bên cạnh các bản dịch kinh điển, các giáo lý của hàng chục dòng truyền thừa, cùng những cuốn sách đại chúng sử dụng thuật ngữ Phật giáo nhưng không nhất thiết có nền tảng vững chắc về Phật giáo.

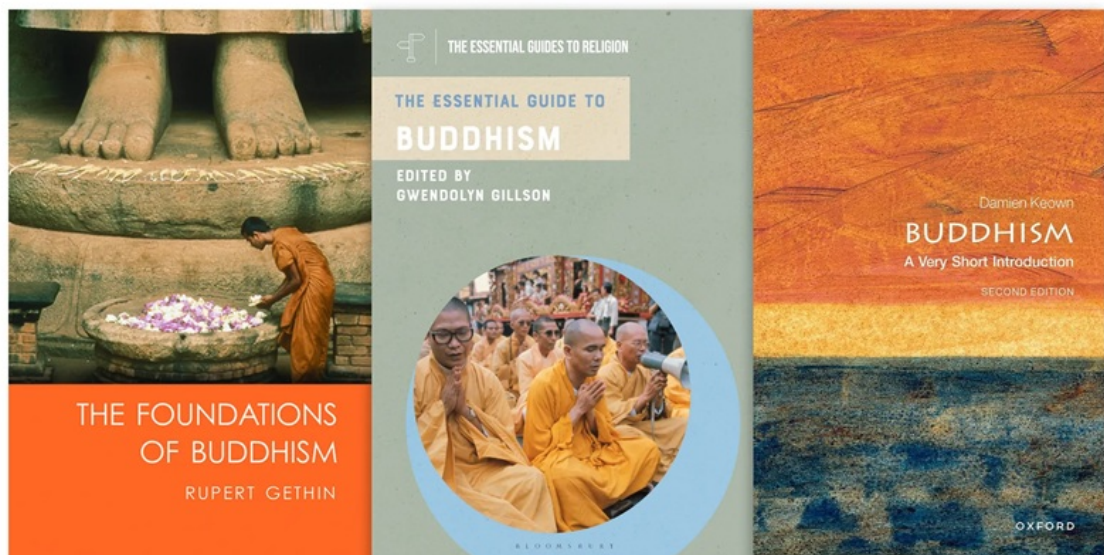
Bởi truyền thống này vừa lâu đời vừa đa dạng, cảm giác choáng ngợp trước một kho tư liệu đồ sộ như vậy là điều hoàn toàn bình thường.



Danh mục dưới đây cung cấp một lối đi giữa kho sách ấy. Mỗi cuốn đều giới thiệu Phật giáo, hoặc một truyền thống cụ thể của Phật giáo, từ một góc nhìn tương đối cân bằng và có cơ sở; tác giả là những học giả, dịch giả, giáo thọ Phật pháp và hành giả có sự am hiểu đáng kể về tư liệu và truyền thống mình trình bày. Các danh mục được sắp xếp theo từng chủ đề, còn những nhan đề trong mỗi mục được xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Bạn có thể bắt đầu từ những cuốn nhập môn khái quát rồi mở rộng dần, hoặc đi thẳng đến truyền thống mà mình quan tâm.

Những sách nhập môn về Phật giáo

Một công trình khảo cứu tổng quan tốt cần thực hiện được hai việc: trình bày những gì người Phật giáo đã tin và thực hành, đồng thời cho thấy những niềm tin và thực hành ấy đã thay đổi như thế nào theo thời gian. Kết hợp được cả hai trong một cuốn sách khó hơn nhiều so với tưởng tượng, và những cuốn sách Phật giáo dưới đây có những cách tiếp cận khác nhau. Có cuốn nhấn mạnh giáo lý; có cuốn tập trung vào lịch sử hoặc đời sống thực hành.



Nên đọc trước

+ Rupert Gethin, *The Foundations of Buddhism* (1998). **Nền tảng của Phật giáo.**

+ Gwendolyn Gillson, chủ biên, *The Essential Guide to Buddhism* (2024). **Cẩm nang thiết yếu về Phật giáo.**

+ Damien Keown, *Buddhism: A Very Short Introduction*, ấn bản thứ 2 (2013). **Phật giáo: Nhập môn ngắn gọn.**

Đọc thêm

+ Dalai Lama và Thubten Chodron, *Buddhism: One Teacher, Many Traditions* (2014). **Phật giáo: Một bậc Đạo sư, nhiều truyền thống.**

+ Bernard Faure, *Unmasking Buddhism* (2009). **Giải mã Phật giáo.**

+ Peter Harvey, *An Introduction to Buddhism: Teachings, History and Practices*, ấn bản thứ 2 (2013). **Nhập môn Phật giáo: Giáo lý, lịch sử và thực hành.**

+ Donald S. Lopez, Jr., *The Story of Buddhism: A Concise Guide to Its History and Teachings* (2001). **Câu chuyện Phật giáo: Khái lược lịch sử và giáo lý.**

+ Donald W. Mitchell và Sarah H. Jacoby, *Buddhism: Introducing the Buddhist Experience*, ấn bản thứ 4 (2024). **Phật giáo: Giới thiệu về trải nghiệm Phật giáo.**

+ Christopher S. Queen và Sallie B. King, chủ biên, *Engaged Buddhism: Buddhist Liberation Movements in Asia* (1996). **Phật giáo nhập thế: Những phong trào giải phóng của Phật giáo ở châu Á.**

+ Andrew Skilton, *A Concise History of Buddhism* (1994). **Lược sử Phật giáo.**

+ John S. Strong, *Buddhisms: An Introduction* (2015). **Các truyền thống Phật giáo: Nhập môn.**

+ Thích Nhất Hạnh, *The Heart of the Buddha's Teaching* (1998). **Trái tim của Bụt.**

+ Kevin Trainor, chủ biên, *Buddhism: The Illustrated Guide* (2001/2004). **Phật giáo: Cẩm nang minh họa.**

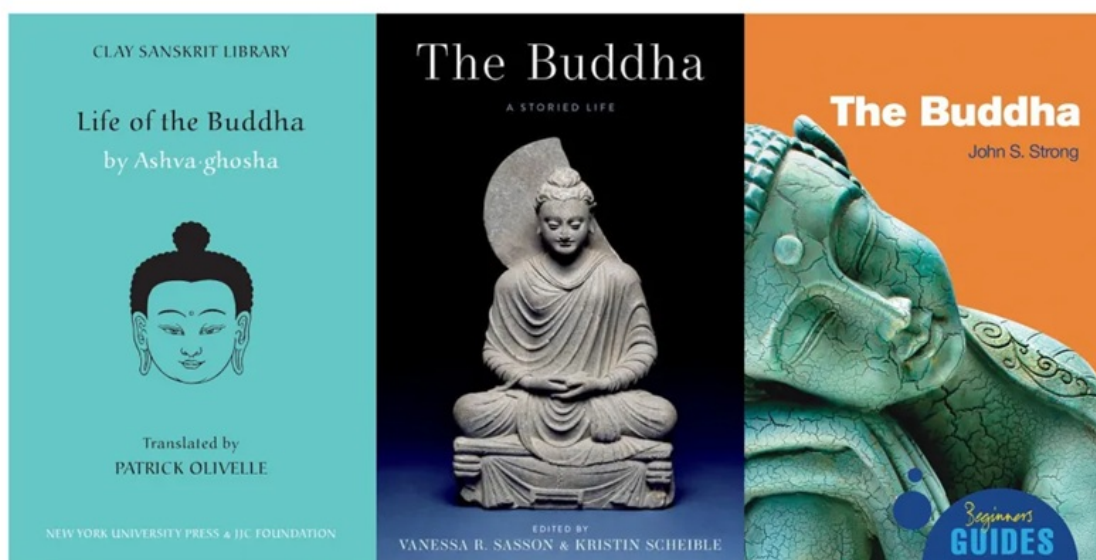
Sách về cuộc đời đức Phật

Không có ai viết tiểu sử đức Phật ngay trong thời gian Ngài còn tại thế. Những bản tường thuật còn lưu lại được biên soạn nhiều thế kỷ sau đó, bằng nhiều

ngôn ngữ khác nhau, bởi những cộng đồng có những lý do riêng khi kể lại câu chuyện về Ngài.

Chính sự khác biệt ấy khiến cuộc đời đức Phật trở thành một chủ đề phức tạp; những cuốn sách dưới đây tiếp cận vấn đề theo những cách khác nhau.

Một số tác phẩm thuật lại những phiên bản về cuộc đời đức Phật vốn dần trở thành những cách kể phổ biến và tiêu chuẩn; số khác đặt câu hỏi về quá trình hình thành của những bản tường thuật ấy.



Nên đọc trước

+ Ashvaghosha (Mã Minh), *Life of the Buddha*, dịch Patrick Olivelle (2008).

Cuộc đời đức Phật.

+ Vanessa R. Sasson và Kristin Scheible, chủ biên, *The Buddha: A Storied Life* (2023). **Đức Phật: Một cuộc đời được kể lại qua những câu chuyện.**

+ John S. Strong, *The Buddha: A Beginner's Guide* (2001/2009). **Đức Phật: Cẩm nang dành cho người mới tìm hiểu.**

Đọc thêm

+ Philip C. Almond, *The Buddha: Life and Afterlife between East and West* (2024). **Đức Phật: Cuộc đời và hậu thế giữa Đông và Tây.**

+ Karen Armstrong, *Buddha* (2001). **Đức Phật.**

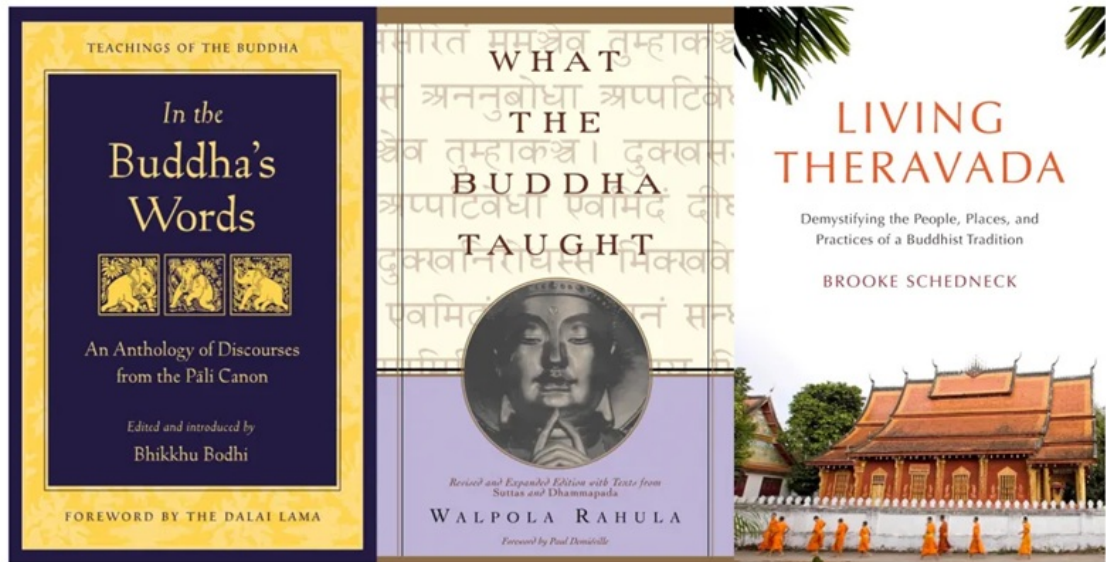
+ Tenzin Chogyel, *The Life of the Buddha*, dịch Kurtis R. Schaeffer (2015). **Cuộc đời đức Phật.**

- + Bernard Faure, *The Thousand and One Lives of the Buddha* (2022). **Một nghìn lẻ một cuộc đời của đức Phật.**
- + Wendy Garling, *Stars at Dawn: Forgotten Stories of Women in the Buddha's Life* (2016). **Những vì sao lúc bình minh: Những câu chuyện bị lãng quên về phụ nữ trong cuộc đời đức Phật.**
- + Donald S. Lopez, Jr., *The Buddha: Biography of a Myth* (2025). **Đức Phật: Tiểu sử của một huyền thoại.**
- + Bhikkhu Nanamoli, *The Life of the Buddha According to the Pali Canon* (1972). **Cuộc đời đức Phật theo Kinh tạng Pali.**
- + *The Play in Full (Lalitavistara)*, dịch Dharmachakra Translation Committee, 84000 (2013). **Phổ Diệu Kinh (Lalitavistara).**
- + John S. Strong, *Relics of the Buddha* (2004). **Xá lợi đức Phật.**
- + Thích Nhất Hạnh, *Old Path White Clouds* (1991). **Đường xưa mây trắng.**

Sách về Phật giáo Theravāda (Phật giáo Thượng tọa bộ)

Theravāda là truyền thống Phật giáo chiếm vị trí chủ đạo tại Sri Lanka, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào; ngôn ngữ kinh điển của truyền thống này là tiếng Pāli.

Các sách về Theravāda thường tập trung vào ba nhóm chính: bản dịch Kinh tạng Pāli và các bộ chú giải; những giáo huấn về thiền định đã góp phần định hình các phương pháp thực hành tuệ quán hiện đại; và những công trình nghiên cứu Theravāda với tư cách một thiết chế xã hội.



Nên đọc trước

- + Bhikkhu Bodhi, *In the Buddha's Words: An Anthology of Discourses from the Pali Canon* (2005). **Theo lời Đức Phật: Tuyển tập các bài kinh từ Kinh tạng Pāli.**
- + Walpola Rahula, *What the Buddha Taught* (1959/1974). **Đức Phật đã dạy những gì.**
- + Schedneck, *Living Theravada: Demystifying the People, Places, and Practices of a Buddhist Tradition* (2023). **Theravāda trong đời sống: Giải mã con người, không gian và thực hành của một truyền thống Phật giáo.**

Đọc thêm

- + Erik Braun, *The Birth of Insight: Meditation, Modern Buddhism and the Burmese Monk Ledi Sayadaw* (2013). **Sự ra đời của tuệ quán: Thiền định, Phật giáo hiện đại và vị tăng Miến Điện Ledi Sayadaw.**
- + Ajahn Chah, *Food for the Heart* (2002). **Thức ăn cho tâm.**
- + Kate Crosby, *Theravada Buddhism: Continuity, Diversity, and Identity* (2013). **Phật giáo Theravāda: Tính liên tục, đa dạng và bản sắc.**
- + Sanitsuda Ekachai, *Keeping the Faith: Thai Buddhism at the Crossroads* (2001). **Giữ vững niềm tin: Phật giáo Thái Lan trước bước ngoặt.**
- + Sonia Faleiro, *The Robe and the Sword: How Buddhist Extremism is Shaping Modern Asia* (2025). **Áo cà sa và thanh kiếm: Chủ nghĩa cực đoan Phật giáo đang định hình châu Á hiện đại như thế nào.**

+ Richard F. Gombrich, *Theravada Buddhism: A Social History from Ancient Benares to Modern Colombo*, ấn bản thứ 2 (2006). **Phật giáo Theravāda: Lịch sử xã hội từ Benares cổ đại đến Colombo hiện đại.**

+ Bhante Henepola Gunaratana, *Mindfulness in Plain English* (1991/2011). **Chính niệm bằng ngôn ngữ giản dị.**

+ Bhikkhu P. A. Payutto, *The Essential Buddhадhamma: The Teachings and Practice of Theravada Buddhism*, dịch Bruce Evans (2024). **Phật pháp cốt yếu: Giáo lý và thực hành Phật giáo Theravāda.**

+ Donald K. Swearer, *The Buddhist World of Southeast Asia*, ấn bản thứ 2 (2010). **Thế giới Phật giáo Đông Nam Á.**

+ Thanissaro Bhikkhu, *The Wings to Awakening* (1996). **Những đôi cánh đưa đến giác ngộ.**

Sách về Phật giáo Đại thừa

Khoảng thời điểm chuyển sang Công nguyên, những tư tưởng mới bắt đầu lưu hành tại Ấn Độ và về sau làm thay đổi diện mạo Phật giáo. Tư tưởng Đại thừa nhanh chóng phát triển thành một hệ thống gồm nhiều phong trào và trường phái; vì vậy, không một cuốn sách đơn lẻ nào có thể bao quát toàn bộ.

Danh mục dưới đây kết hợp những công trình khảo cứu tổng quan với các bản dịch của những văn bản kinh điển tiêu biểu. Những cuốn sách khác về các hình thức Đại thừa tại Đông Á được giới thiệu thêm trong phần về Thiền (Zen).



Nên đọc trước

- + Taitetsu Unno, *River of Fire, River of Water: An Introduction to the Pure Land Tradition of Shin Buddhism* (1998). **Dòng sông lửa, dòng sông nước: Nhập môn truyền thống Tịnh độ của Phật giáo Shin.**
- + Paul Williams, *Mahayana Buddhism: The Doctrinal Foundations*, ấn bản thứ 2 (2008). **Phật giáo Đại thừa: Nền tảng giáo lý.**
- + Chun-fang Yu, *Chinese Buddhism: A Thematic History* (2020). **Phật giáo Trung Hoa: Lịch sử theo các chủ đề.**

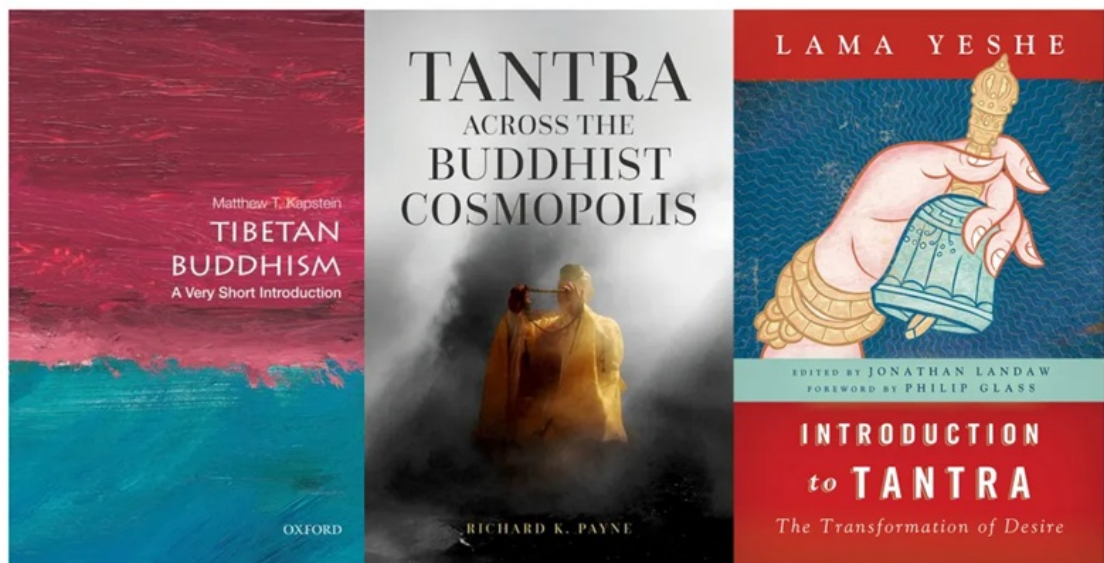
Đọc thêm

- + *The Awakening of Faith: Attributed to Asvaghosha*, dịch Yoshito S. Hakeda (1967/2005). **Đại thừa Khởi tín luận: Tác phẩm được quy cho Mã Minh.**
- + Charles B. Jones, *Pure Land: History, Tradition, and Practice* (2021). **Tịnh độ: Lịch sử, truyền thống và thực hành.**
- + Sallie B. King, *Buddha Nature* (1991). **Phật tính/**
- + Donald S. Lopez, Jr. và Jacqueline I. Stone, *Two Buddhas Seated Side by Side: A Guide to the Lotus Sutra* (2019). **Hai vị Phật ngồi cạnh nhau: Hướng dẫn tìm hiểu Kinh Pháp Hoa.**
- + Jan Nattier, *A Few Good Men: The Bodhisattva Path According to the Inquiry of Ugra* (2003). **Một vài thiện nam: Con đường Bồ-tát theo Ugra-paripṛcchā.**
- + Santideva (Tịch Thiên), *The Bodhicaryavatara*, dịch Kate Crosby và Andrew Skilton (1996/2008). **Nhập Bồ tát hạnh.**
- + Jacqueline I. Stone, *Original Enlightenment and the Transformation of Medieval Japanese Buddhism* (1999). **Bản giác và sự chuyển đổi của Phật giáo Nhật Bản thời Trung cổ.**
- + Kazuaki Tanahashi, *The Heart Sutra: A Comprehensive Guide to the Classic of Mahayana Buddhism* (2016). **Tâm Kinh: Hướng dẫn toàn diện về kinh điển kinh điển của Phật giáo Đại thừa.**
- + *The Threefold Lotus Sutra*, dịch Bunno Kato, Yoshiro Tamura và Kojiro Miyasaka (1975/2003). **Kinh Pháp Hoa tam bộ.**
- + *The Vimalakirti Sutra*, dịch Burton Watson (1997). **Kinh Duy ma cát.**

Sách về Kim Cương thừa và Phật giáo Tây Tạng

Kim Cương thừa (Vajrayana), hay Phật giáo Mật tông, phát triển tại Ấn Độ rồi truyền bá sang Đông Á, Tây Tạng, Nepal và Mông Cổ. Phật giáo Tây Tạng là hình thức được biết đến rộng rãi nhất của truyền thống này, nhưng không phải là hình thức duy nhất.

Các truyền thống Mật tông cũng được duy trì trong cộng đồng người Newar ở Nepal, cũng như trong các tông phái Chân Ngôn (Shingon) và Thiên Thai (Tendai) của Nhật Bản. Những sách Phật giáo dưới đây giới thiệu nguồn gốc Ấn Độ của Kim Cương thừa, các hình thức phát triển của truyền thống này tại vùng Himalaya, Mông Cổ và Nhật Bản, đồng thời trình bày lịch sử Tây Tạng.



Nên đọc trước

+ **Matthew T. Kapstein**, *Tibetan Buddhism: A Very Short Introduction* (2013). **Phật giáo Tây Tạng: Một nhập môn rất ngắn.**

+ **Richard K. Payne**, *Tantra Across the Buddhist Cosmopolis* (2026). **Mật tông trong không gian Phật giáo toàn cầu.**

+ **Lama Thubten Yeshe**, *Introduction to Tantra: The Transformation of Desire* (1987). **Nhập môn Mật tông: Chuyển hóa dục vọng.**

Đọc thêm

+ **Ryuichi Abe**, *The Weaving of Mantra: Kukai and the Construction of Esoteric Buddhist Discourse* (1999). **Đặt nền Chân ngôn: Kukai và sự kiến tạo diễn ngôn Phật giáo Mật giáo.**

+ **Gampopa**, *The Jewel Ornament of Liberation: The Wish-Fulfilling Gem of the Noble Teachings*, bản dịch của Khenpo Konchog Gyaltsen (1998). **Trang nghiêm báu vật của sự giải thoát: Viên ngọc như ý của những giáo pháp cao quý.**

+ **David N. Gellner**, *Monk, Householder, and Tantric Priest: Newar Buddhism and its Hierarchy of Ritual* (1992). **Tu sĩ, cư sĩ và pháp sư Mật tông: Phật giáo Newar và hệ thống thứ bậc nghi lễ.**

+ **Anne C. Klein**, *Meeting the Great Bliss Queen* (1995). **Gặp gỡ Nữ hoàng Đại Lạc.**

+ **Patrul Rinpoche**, *The Words of My Perfect Teacher*, bản dịch của Padmakara Translation Group (1994/2010). **Lời dạy của vị Thầy hoàn hảo của tôi.**

+ **Kurtis R. Schaeffer, Matthew T. Kapstein và Gray Tuttle**, biên tập, *Sources of Tibetan Tradition* (2013). **Các nguồn tư liệu của truyền thống Tây Tạng.**

+ **Sam van Schaik**, *Tibet: A History* (2011). **Tây Tạng: Một lịch sử.**

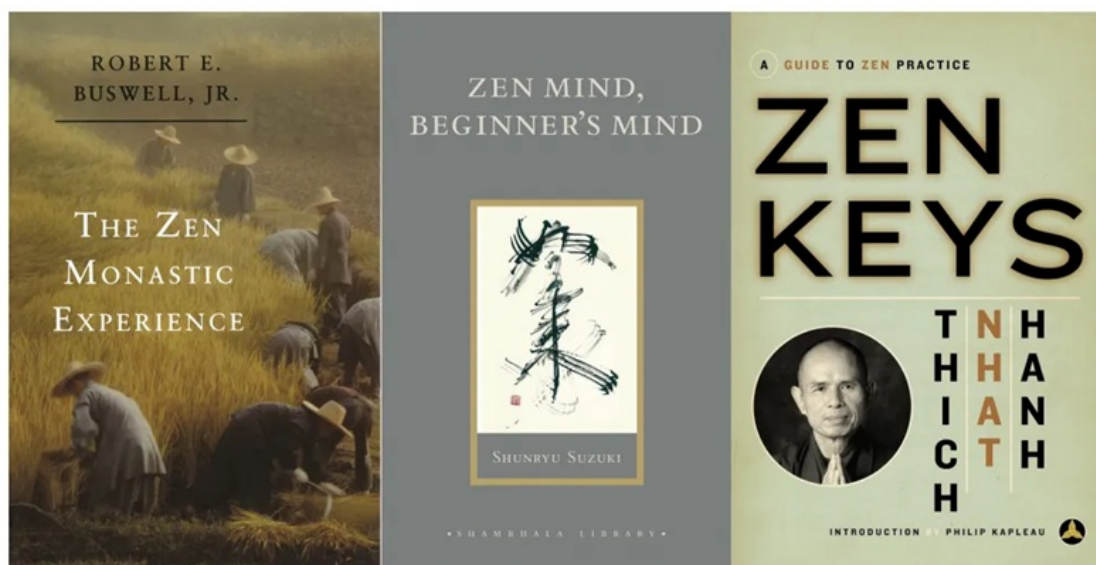
+ **Vesna A. Wallace**, biên tập, *Buddhism in Mongolian History, Culture, and Society* (2015). **Phật giáo trong lịch sử, văn hóa và xã hội Mông Cổ.**

+ **Christian K. Wedemeyer**, *Making Sense of Tantric Buddhism* (2013). **Tìm hiểu Phật giáo Mật tông.**

+ **Taiko Yamasaki**, *Shingon: Japanese Esoteric Buddhism* (1988). **Chân Ngôn: Phật giáo Mật giáo Nhật Bản.**

Sách về Thiền Phật giáo: Chan, Thiền, Seon và Zen

Thiền (Chan) khởi nguồn tại Trung Quốc, sau đó bén rễ ở Việt Nam với tên gọi **Thiền**, tại Hàn Quốc với tên gọi **Seon**, và cuối cùng phát triển ở Nhật Bản thành **Zen**. Truyền thống này biến đổi theo từng vùng đất và quá trình truyền thừa.



Các công trình bằng tiếng Anh về những truyền thống thiền định này từ lâu có xu hướng tập trung vào Nhật Bản, trong khi sách về truyền thống Trung Hoa và Hàn Quốc vẫn tương đối ít. Danh mục dưới đây góp phần khắc phục sự mất cân đối đó, kết hợp các trước tác kinh điển với tác phẩm của những vị thầy đương đại và các nghiên cứu học thuật về quá trình hình thành, biên soạn và truyền bá những tư liệu ấy.

Nên đọc trước

+ **Robert E. Buswell, Jr.**, *The Zen Monastic Experience: Buddhist Practice in Contemporary Korea* (1992). **Trải nghiệm Thiền viện: Thực hành Phật giáo tại Hàn Quốc đương đại.**

+ **Shunryu Suzuki**, *Zen Mind, Beginner's Mind* (1970/2006). **Tâm Thiền, tâm người mới học.**

+ **Thích Nhất Hạnh**, *Zen Keys* (1974/1994). **Chìa khóa Thiền.**

Đọc thêm

+ **Huệ Năng**, *The Sixth Patriarch's Dharma Jewel Platform Sutra*, bản dịch của Buddhist Text Translation Society (2014). **Kinh Pháp Bảo Đàn của Lục Tổ.**

+ **Philip Kapleau**, *The Three Pillars of Zen* (1965). **Ba trụ cột của Thiền.**

+ **Hee-Jin Kim**, *Eihei Dogen: Mystical Realist* (1975/2004). **Eihei Dogen: Nhà hiện thực huyền nhiệm.**

+ **John R. McRae**, *Seeing Through Zen: Encounter, Transformation, and Genealogy in Chinese Chan Buddhism* (2003). **Nhìn xuyên qua Thiền: Gặp**

gỗ, chuyển hóa và phá hệ trong Thiền Phật giáo Trung Hoa.

+ **Cường Tú Nguyễn**, *Zen in Medieval Vietnam: A Study and Translation of the Thien Uyen Tap Anh* (1997). **Thiền ở Việt Nam thời Trung đại: Nghiên cứu và dịch Thiền uyển tập anh.**

+ **Shohaku Okumura**, *Realizing Genjokoan: The Key to Dogen's Shobogenzo* (2010). **Thể chứng Genjokoan: Chìa khóa để hiểu Shobogenzo của Dogen.**

+ **Grace Schireson**, *Zen Women: Beyond Tea Ladies, Iron Maidens, and Macho Masters* (2009). **Phụ nữ trong Thiền: Vượt ra ngoài hình ảnh những người phụ nữ phục vụ trà, các nữ chiến binh và những vị thầy nam tính.**

+ **Seung Sahn**, *The Compass of Zen* (1997). **La bàn Thiền.**

+ **Burton Watson**, *The Zen Teachings of Master Lin-chi: A Translation of the Lin-chi lu* (1993/1999). **Thiền pháp của Thiền sư Lâm Tế: Bản dịch Lâm Tế lục.**

+ **Jimmy Yu**, biên tập, *Readings of the Gateless Barrier* (2025). **Độc Vô môn quan.**

Sách về Phật giáo và giới nữ

Phụ nữ đã hiện diện trong Phật giáo ngay từ thuở ban đầu, mặc dù các tư liệu lịch sử thường khiến vai trò và tiếng nói của họ trở nên mờ nhạt.

Việc phục hồi câu chuyện về những người phụ nữ trong lịch sử Phật giáo là một trong những hướng nghiên cứu sôi nổi nhất của Phật học trong khoảng ba mươi năm qua. Danh mục này trải rộng từ những bài kệ của các vị ni thuộc thế hệ thời Đức Phật cho đến những lời tự thuật của các hành giả đương đại.



Nên đọc trước

+ **Rita M. Gross**, *Buddhism after Patriarchy: A Feminist History, Analysis, and Reconstruction of Buddhism* (1992). **Phật giáo sau chế độ phụ quyền: Lịch sử, phân tích và tái kiến tạo Phật giáo từ góc nhìn nữ quyền.**

+ **Charles Hallisey**, dịch, *Poems of the First Buddhist Women: A Translation of the Therigatha* (2015/2021). **Thi kệ của những người phụ nữ Phật giáo đầu tiên: Bản dịch Trưởng lão ni kệ (Therigatha).**

+ **Karma Lekshe Tsomo**, *Women in Buddhist Traditions* (2020). **Phụ nữ trong các truyền thống Phật giáo.**

Đọc thêm

+ **Bhikkhu Analayo**, *The Foundation History of the Nuns' Order* (2016). **Lịch sử hình thành Ni đoàn.**

+ **Eun-su Cho**, biên tập, *Korean Buddhist Nuns and Laywomen: Hidden Histories, Enduring Vitality* (2011). **Ni giới và nữ cư sĩ Phật giáo Hàn Quốc: Những lịch sử bị che khuất, sức sống bền bỉ.**

+ **Wendy Garling**, *The Woman Who Raised the Buddha: The Extraordinary Life of Mahaprajapati* (2021). **Người phụ nữ nuôi dưỡng Đức Phật: Cuộc đời phi thường của Ma ha ba xà ba đề (Mahaprajapati).**

+ **Beata Grant**, *Eminent Nuns: Women Chan Masters of Seventeenth-Century China* (2009). **Những vị ni xuất chúng: Các nữ Thiền sư Trung Quốc thế kỷ XVII.**

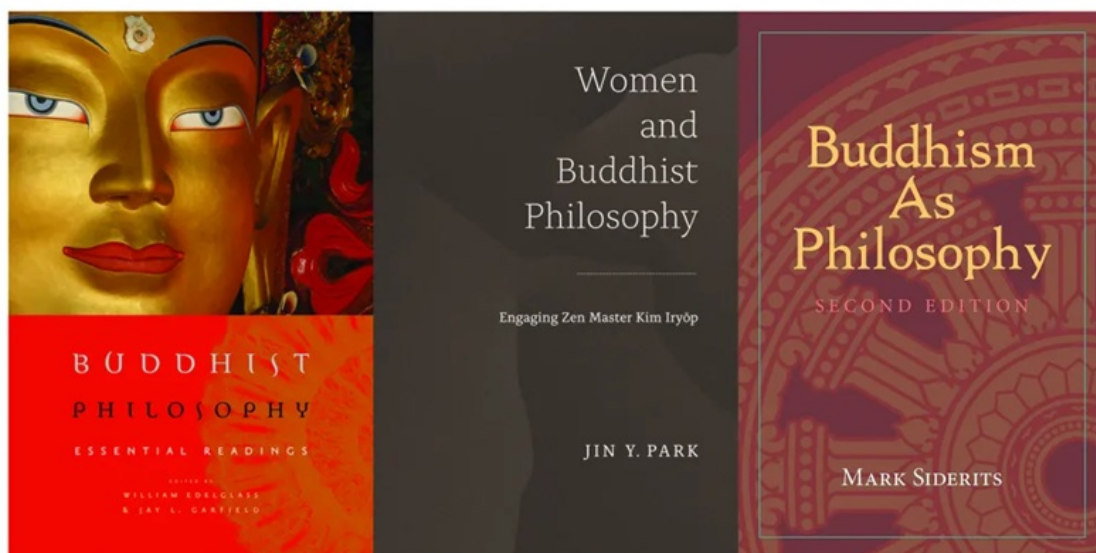
+ **Sarah H. Jacoby**, *Love and Liberation: Autobiographical Writings of the Tibetan Buddhist Visionary Sera Khandro* (2014). **Tình yêu và giải thoát: Những tự thuật của nữ hành giả Phật giáo Tây Tạng Sera Khandro.**

+ **Ayya Khema**, *I Give You My Life: The Autobiography of a Western Buddhist Nun* (1998). **Tôi dâng hiến cuộc đời mình: Tự truyện của một nữ tu Phật giáo phương Tây.**

+ **Zenju Earthlyn Manuel**, *The Way of Tenderness: Awakening Through Race, Sexuality, and Gender* (2015). **Con đường của sự dịu dàng: Tỉnh thức qua chủng tộc, tính dục và giới.**

+ **Lori R. Meeks**, *Hokkeji and the Reemergence of Female Monastic Orders in Premodern Japan* (2010). **Hokkeji và sự tái xuất của các dòng tu nữ tại Nhật Bản tiền hiện đại.**

+ **Vanessa**



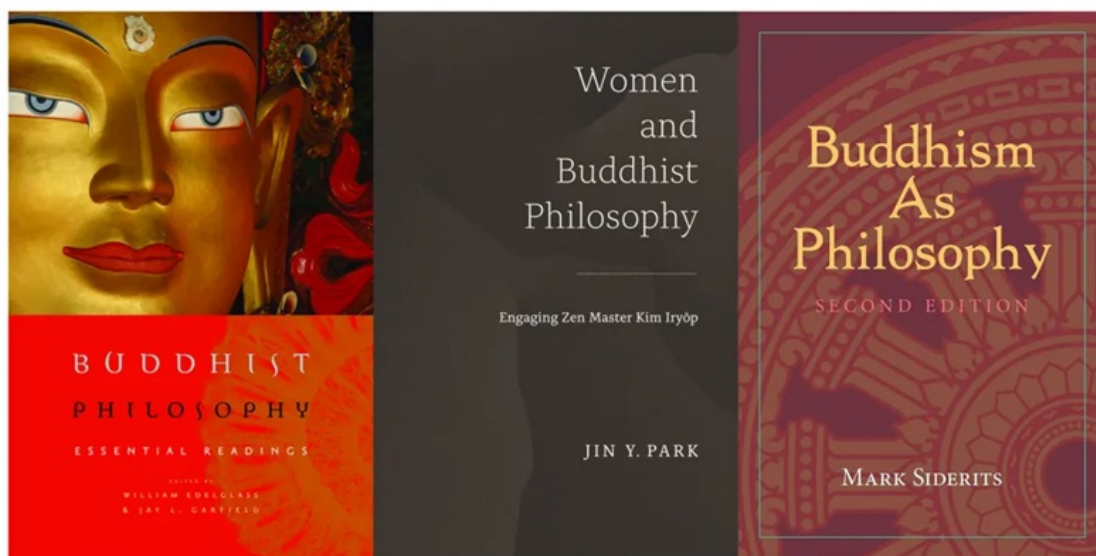
R. Sasson, *Yasodhara and the Buddha* (2021). **Da du đà la và đức Phật**; tiểu thuyết lịch sử có phần giới thiệu học thuật.

+ **Karma Lekshe Tsomo**, biên tập, *Buddhism Through American Women's Eyes* (1995). **Phật giáo qua cái nhìn của phụ nữ Mỹ.**

Sách về triết học Phật giáo

Trong hơn hai thiên niên kỷ, các nhà tư tưởng Phật giáo đã tranh luận về bản chất của tâm, cái tôi, quan hệ nhân quả, ngôn ngữ và thực tại.

Những tranh luận ấy không chỉ nhằm xây dựng các hệ thống tư tưởng mà còn được xem là những vấn đề cần được kiểm chứng qua kinh nghiệm và thực hành. Những công trình giá trị về triết học Phật giáo thường tiếp cận các luận đề theo tinh thần đó.



Danh mục này bao quát những cuộc tranh luận giữa các trường phái Ấn Độ, sự phát triển của tư tưởng Phật giáo tại Đông Á và Tây Tạng, cùng những cách lý giải của các học giả đương đại.

Nên đọc trước

+ **William Edelglass và Jay L. Garfield**, biên tập, *Buddhist Philosophy: Essential Readings* (2009). **Triết học Phật giáo: Những bài đọc thiết yếu.**

+ **Jin Y. Park**, *Women and Buddhist Philosophy: Engaging Zen Master Kim Iryop* (2017). **Phụ nữ và triết học Phật giáo: Tiếp cận Thiền sư Kim Iryop.**

+ **Mark Siderits**, *Buddhism as Philosophy*, ấn bản thứ hai (2021). **Phật giáo với tư cách là triết học.**

Đọc thêm

+ **Jay L. Garfield**, dịch, *The Fundamental Wisdom of the Middle Way: Nagarjuna's Mulamadhyamakakarika* (1995). **Trí tuệ căn bản của Trung đạo: Trung quán luận của Long Thọ.**

+ **Maria Heim**, *Buddhist Ethics* (2020). **Đạo đức học Phật giáo.**

+ **Sonam Kachru**, *Other Lives: Mind and World in Indian Buddhism* (2021). **Những đời sống khác: Tâm và thế giới trong Phật giáo Ấn Độ.**

+ **David J. Kalupahana**, *A History of Buddhist Philosophy: Continuities and Discontinuities* (1992). **Lịch sử triết học Phật giáo: Những tính liên tục và gián đoạn.**

+ **Guy Newland**, *Introduction to Emptiness* (2008). **Nhập môn Tánh Không.**

+ **Noa Ronkin**, *Early Buddhist Metaphysics* (2005). **Siêu hình học Phật giáo thời kỳ đầu.**

+ **Evan Thompson**, *Why I Am Not a Buddhist* (2020). **Tại sao tôi không phải là Phật tử.**

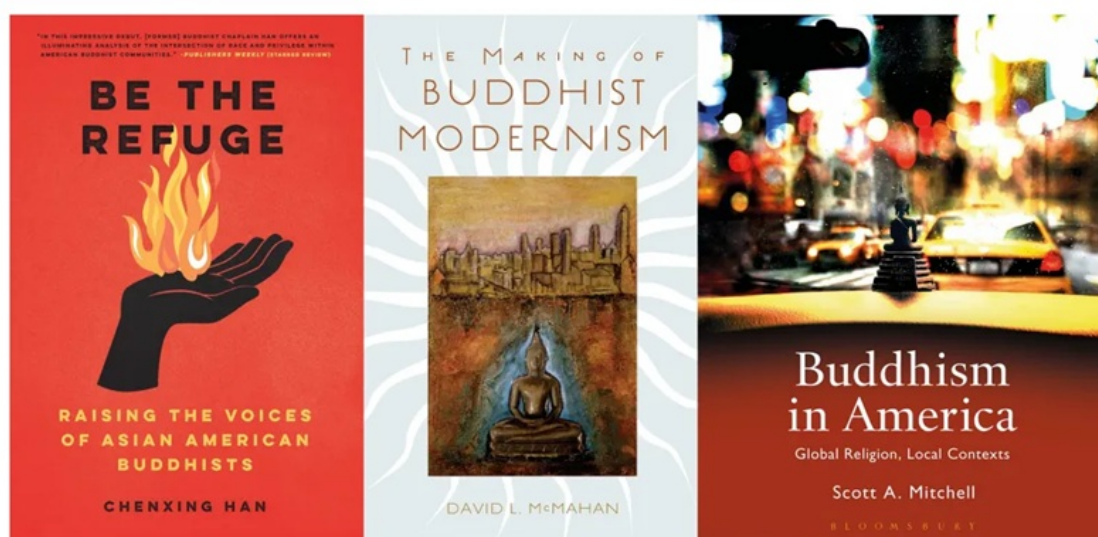
+ **William S. Waldron**, *Making Sense of Mind Only: Why Yogacara Buddhism Matters* (2023). **Tìm hiểu Duy thức: Vì sao Phật giáo Du già hành quan trọng.**

+ **Jan Westerhoff**, *The Golden Age of Indian Buddhist Philosophy* (2018). **Thời đại hoàng kim của triết học Phật giáo Ấn Độ.**

+ **Brook Ziporyn**, *Emptiness and Omnipresence: An Essential Introduction to Tiantai Buddhism* (2016). **Tính Không và tính hiện diện khắp nơi: Nhập môn thiết yếu về Phật giáo Thiên Thai.**

Sách về Phật giáo tại phương Tây

Phật giáo đến châu Âu và châu Mỹ qua ba con đường chính: **ngiên cứu học thuật, di dân và cải đạo**. Những cuốn sách trong danh mục này lần lượt khảo sát cả ba con đường, trong đó có lịch sử của các cộng đồng người Mỹ gốc Á theo Phật giáo - một phần thường bị bỏ qua trong những câu chuyện tổng quan về Phật giáo tại phương Tây.



Một số công trình cũng nghiên cứu **Phật giáo hiện đại (Buddhist Modernism)**, tức quá trình những giáo lý và thực hành truyền thống được diễn giải, điều chỉnh và tái định hình để phù hợp với những quan niệm của phương Tây về tôn giáo.

Nên đọc trước

+ **Chenxing Han**, *Be the Refuge: Raising the Voices of Asian American Buddhists* (2021). **Hãy là nơi nương tựa: Cát lên tiếng nói của những phật tử Mỹ gốc Á.**

+ **David L. McMahan**, *The Making of Buddhist Modernism* (2009). **Sự hình thành Phật giáo hiện đại.**

+ **Scott A. Mitchell**, *Buddhism in America: Global Religion, Local Contexts* (2016). **Phật giáo tại Hoa Kỳ: Tôn giáo toàn cầu, bối cảnh địa phương.**

Đọc thêm

+ **Rick Fields**, *How the Swans Came to the Lake: A Narrative History of Buddhism in America* (1981/1992). **Đàn thiên nga đến hồ như thế nào: Lịch sử Phật giáo ở Hoa Kỳ qua tự sự.**

+ **Ann Gleig**, *American Dharma: Buddhism Beyond Modernity* (2019). **Dharma Mỹ: Phật giáo vượt ra ngoài tính hiện đại.**

+ **Wakoh Shannon Hickey**, *Mind Cure: How Meditation Became Medicine* (2019). **Chữa lành bằng tâm: Thiền đã trở thành y học như thế nào.**

+ **Donald S. Lopez, Jr.**, *Prisoners of Shangri-La: Tibetan Buddhism and the West* (1998/2018). **Những tù nhân của Shangri-La: Phật giáo Tây Tạng và phương Tây.**

+ **Jarvis Jay Masters**, *Finding Freedom: How Death Row Broke and Opened My Heart* (1997/2020). **Tìm kiếm tự do: Làm thế nào án tử hình phá vỡ và mở rộng trái tim tôi.**

+ **Charles S. Prebish và Martin Baumann**, biên tập, *Westward Dharma: Buddhism Beyond Asia* (2002). **Dharma hướng Tây: Phật giáo vượt ra ngoài châu Á.**

+ **Thomas A. Tweed**, *The American Encounter with Buddhism, 1844-1912* (1992). **Cuộc gặp gỡ giữa người Mỹ và Phật giáo, 1844-1912.**

+ **Duncan Ryuken Williams**, *American Sutra: A Story of Faith and Freedom in the Second World War* (2019). **Kinh điển Mỹ: Câu chuyện về đức tin và tự do trong Thế chiến II.**

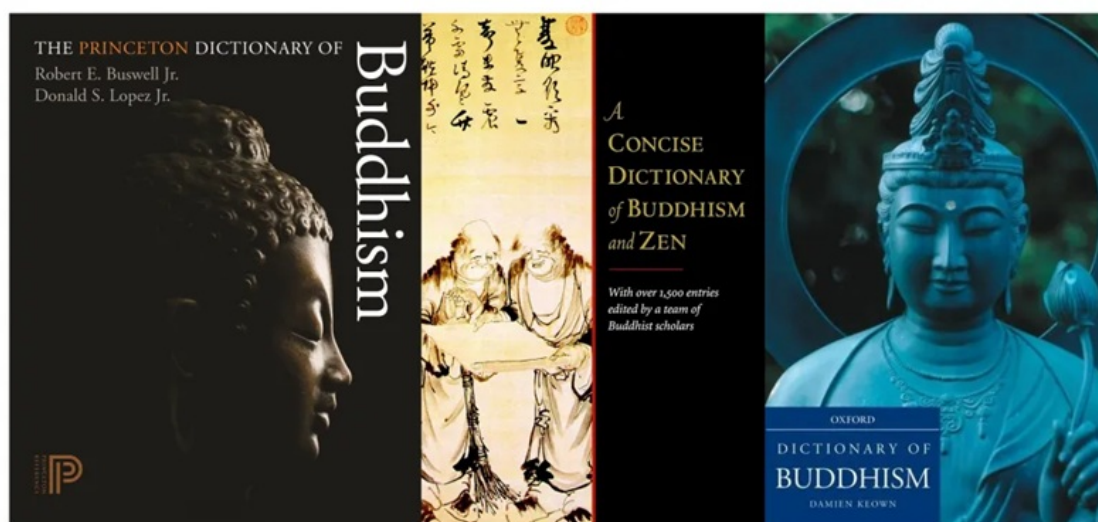
+ **Jan Willis**, *Dreaming Me: Black, Baptist, and Buddhist; One Woman's Spiritual Journey* (2008). **Mơ về chính tôi: Người da đen, Baptist và Phật tử; hành trình tâm linh của một người phụ nữ.**

+ **Jeff Wilson**, *Mindful America: The Mutual Transformation of Buddhist Meditation and American Culture* (2014). **Nước Mỹ tỉnh thức: Sự chuyển hóa lẫn nhau giữa thiền Phật giáo và văn hóa Mỹ.**

Sách tham khảo và nguồn tư liệu Phật giáo nguyên bản

Ngày nay, số lượng kinh điển Phật giáo được cung cấp miễn phí trên internet bằng tiếng Anh nhiều hơn bất kỳ thời điểm nào trong lịch sử; trong đó một phần đáng kể đã được dịch trong khoảng hai mươi năm trở lại đây.

Những nguồn dưới đây cho phép tiếp cận trực tiếp các văn bản nguyên bản, đồng thời cung cấp những công cụ tra cứu hữu ích.



Các từ điển được liệt kê sau đây cũng rất đáng có bên cạnh khi đọc, bởi ngay cả những sách nhập môn tốt cũng thường sử dụng những thuật ngữ mà người mới học, và đôi khi cả những độc giả đã có kinh nghiệm, vẫn cần tra cứu. Để có cái nhìn cân bằng, khi nghiên cứu một kinh điển Phật giáo cụ thể, nên tham khảo nhiều bản dịch hoặc nhiều cách chú giải khác nhau.

Nguồn tài liệu trực tuyến miễn phí

- + **84000** - Kinh điển Phật giáo Tây Tạng được dịch sang tiếng Anh, liên tục cập nhật.
- + **Access to Insight và dhammatalks.org** - Kinh văn Pāli của Phật giáo thời kỳ đầu bằng tiếng Anh.
- + **BDK America** - Kinh điển Phật giáo Nhật Bản bằng tiếng Anh.
- + **Collected Works of Korean Buddhism** - Bộ tuyển tập gồm 13 tập các trước tác Phật giáo Hàn Quốc bằng tiếng Anh, cho phép tải xuống miễn phí.
- + **Digital Dictionary of Buddhism** - Từ điển số về các thuật ngữ và nhân vật của Phật giáo Đông Á.
- + **Lotsawa House** - Các giáo pháp và trước tác chú giải Phật giáo Tây Tạng, phần lớn thuộc truyền thống Nyingma.
- + **Buddhist Dictionary** - Từ điển các thuật ngữ giáo lý Pāli.
- + **SuttaCentral** - Các văn bản Phật giáo thời kỳ đầu bằng Pāli, Hán văn, Sanskrit và Tây Tạng.
- + **Treasury of Lives** - Tiểu sử các nhân vật Phật giáo ở Tây Tạng, vùng Himalaya và Nội Á.

Từ điển và bách khoa thư bản in

- + **Robert E. Buswell, Jr.**, biên tập, *Encyclopedia of Buddhism* (2003) - **Bách khoa thư Phật giáo.**
- + **Robert E. Buswell, Jr. và Donald S. Lopez, Jr.**, *The Princeton Dictionary of Buddhism* (2014) - **Từ điển Phật giáo Princeton.**
- + **Fischer-Schreiber và cộng sự**, *A Concise Dictionary of Buddhism and Zen*, bản dịch của Michael H. Kohn (2010) - **Từ điển cô đọng về Phật giáo và Thiền.**
- + **Damien Keown**, *A Dictionary of Buddhism* (2003) - **Từ điển Phật giáo.**
- + **Damien Keown và Charles S. Prebish**, biên tập, *Encyclopedia of Buddhism* (2007) - **Bách khoa thư Phật giáo.**
- + **Gert Woerner và Stephan Schuhmacher**, *The Encyclopedia of Eastern Philosophy and Religion: Buddhism, Hinduism, Taoism, Zen* (1994) — **Bách khoa thư Triết học và Tôn giáo phương Đông: Phật giáo, Ấn Độ giáo,**

Đạo giáo và Thiên.

[Ghi chú biên tập:

Bài viết được biên dịch và biên tập từ một danh mục giới thiệu sách Phật giáo bằng tiếng Anh. Do một số đầu sách trong danh mục chưa có bản dịch tiếng Việt được xác lập hoặc chưa có tên xuất bản chính thức bằng tiếng Việt, Ban Biên tập giữ nguyên nhan đề tiếng Anh và đặt bản dịch tiếng Việt bên cạnh để thuận tiện cho độc giả tham khảo.

Các bản dịch nhan đề trong bài chỉ có tính chất giới thiệu, không được hiểu là tên của các ấn bản tiếng Việt chính thức.

Tên riêng của tác giả, dịch giả, học giả và các truyền thống Phật giáo được giữ theo nguyên bản hoặc chuyển sang cách phiên âm, danh xưng quen dùng trong tiếng Việt khi có cơ sở phù hợp. Với các thuật ngữ, tên kinh luận và nhân vật Phật giáo đã có cách dịch tương đối phổ biến trong tiếng Việt, bài viết ưu tiên sử dụng cách gọi quen thuộc; trường hợp cần thiết giữ thêm nguyên ngữ để thuận tiện đối chiếu và tra cứu.

Các mục **“Nên đọc trước”** và **“Đọc thêm”** được giữ theo cấu trúc của tài liệu gốc. Việc một tác phẩm được đưa vào danh mục không đồng nghĩa với sự đánh giá hay bảo chứng của Ban Biên tập đối với toàn bộ quan điểm, phương pháp hoặc lập trường của tác giả.

Các nguồn tư liệu trực tuyến được giữ nguyên tên gọi nhằm giúp độc giả thuận tiện tìm kiếm và tiếp cận nguồn gốc. Người đọc nên kiểm tra trực tiếp tại các nguồn tương ứng khi sử dụng cho mục đích nghiên cứu, trích dẫn hoặc học thuật].

Chú giải thuật ngữ

Theravāda (Thượng tọa bộ): Một truyền thống Phật giáo lớn, phát triển mạnh tại Sri Lanka và nhiều quốc gia Đông Nam Á như Myanmar, Thái Lan, Campuchia và Lào. Kinh điển được bảo tồn chủ yếu bằng tiếng Pāli.

Mahayana (Đại thừa): Một dòng phát triển lớn của Phật giáo hình thành tại Ấn Độ từ khoảng đầu Công nguyên, về sau phát triển thành nhiều truyền thống và trường phái tại Đông Á, Trung Á và các khu vực khác.

Vajrayana (Kim cương thừa): Một hình thức Phật giáo phát triển từ nền tảng Đại thừa, đặc biệt nhấn mạnh các phương pháp tu tập Mật tông, nghi quỹ, thần

chú, quán tưởng và những phương pháp chuyển hóa tâm thức. Phật giáo Tây Tạng là hình thức Kim cương thừa được biết đến rộng rãi nhất.

Tantric Buddhism (Phật giáo Mật tông): Cách gọi Phật giáo sử dụng hệ thống thực hành Mật tông (Tantra). Trong nhiều ngữ cảnh, “Mật tông” và “Kim cương thừa” được sử dụng gần nghĩa, nhưng không phải lúc nào cũng hoàn toàn đồng nhất về phạm vi khái niệm.

Chan/Thiền/Seon/Zen: Những tên gọi tương ứng của truyền thống Thiền trong các không gian văn hóa khác nhau: **Chan** trong tiếng Trung Hoa, **Thiền** trong tiếng Việt, **Seon** trong tiếng Hàn Quốc và **Zen** trong tiếng Nhật Bản. Các truyền thống này có chung nguồn gốc nhưng phát triển theo những điều kiện lịch sử và văn hóa riêng.

Pāli: Ngôn ngữ kinh điển của Phật giáo Theravāda, được sử dụng để bảo tồn một bộ phận quan trọng của kinh điển Phật giáo thời kỳ đầu.

Sanskrit (Phạn ngữ): Ngôn ngữ cổ của Ấn Độ, được sử dụng rộng rãi trong văn học và kinh điển của nhiều truyền thống Phật giáo, đặc biệt trong các nguồn tư liệu Đại thừa và Kim cương thừa.

Newar: Cộng đồng dân tộc – văn hóa bản địa của thung lũng Kathmandu, Nepal, có truyền thống Phật giáo lâu đời, trong đó vẫn bảo tồn nhiều hình thức Phật giáo Mật tông.

Nyingma (Ninh-mã): Một trong các trường phái lớn của Phật giáo Tây Tạng, thường được xem là trường phái lâu đời nhất trong hệ thống các trường phái Phật giáo Tây Tạng.

Buddhist Modernism (Phật giáo Hiện đại chủ nghĩa): Thuật ngữ được sử dụng trong nghiên cứu Phật giáo để chỉ những quá trình diễn giải, điều chỉnh và tái định hình giáo lý, thực hành Phật giáo trong bối cảnh hiện đại, đặc biệt dưới tác động của tư tưởng và văn hóa phương Tây.

Sutta: Thuật ngữ Pāli thường dùng để chỉ các bài kinh, tương đương với **Sūtra (Kinh)** trong Sanskrit.

Therīgāthā (Trường lão ni kệ): Tuyển tập các bài kệ được truyền thống Phật giáo Theravāda gán với các vị nữ đệ tử của Đức Phật; đây cũng là một trong những nguồn tư liệu quan trọng về tiếng nói và trải nghiệm của phụ nữ Phật giáo thời kỳ đầu.

Mūlamadhyamakakārikā (Trung quán luận): Tác phẩm triết học quan trọng của Long Thọ (Nāgārjuna), trình bày và triển khai tư tưởng Trung quán, đặc biệt xoay quanh vấn đề tính Không và Trung đạo.

Yogācāra (Du-già hành tông / Duy thức): Một truyền thống triết học và tu tập quan trọng của Phật giáo Đại thừa, đặc biệt quan tâm đến tâm thức, nhận thức và mối quan hệ giữa tâm và thế giới kinh nghiệm.

Śūnyatā (Tánh Không): Một khái niệm then chốt trong tư tưởng Đại thừa, chỉ tính không có tự tính độc lập, cố định của các pháp. Tánh Không không đồng nghĩa với quan niệm “không có gì tồn tại”.

Tiantai (Thiên Thai): Một truyền thống Phật giáo Đại thừa quan trọng tại Trung Hoa, phát triển dựa trên hệ thống tư tưởng lấy Kinh Pháp Hoa làm một nền tảng quan trọng; về sau truyền sang Nhật Bản với tên gọi Tendai.

Shingon: Truyền thống Phật giáo Mật giáo Nhật Bản do Không Hải (Kūkai, 774-835) phát triển, có nguồn gốc sâu xa từ các truyền thống Mật giáo Ấn Độ và Trung Hoa.

Tendai: Truyền thống Phật giáo Nhật Bản phát triển từ Thiên Thai tông Trung Hoa, đồng thời tiếp nhận nhiều yếu tố của các truyền thống Phật giáo khác, trong đó có Mật giáo.

Dharma (Pháp): Thuật ngữ có nhiều nghĩa trong Phật giáo, tùy ngữ cảnh có thể chỉ giáo pháp của Đức Phật, chân lý, giáo lý, hoặc các hiện tượng/pháp được phân tích trong giáo lý Phật giáo.

Theo: **tricycle.org**/Chuyển ngữ: **Thiện Pháp**

Nguồn: <https://tricycle.org/buddhist-books/>